

Bản án số: 238/2021/DS-ST

Ngày: 03 - 12 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn;

Bà Phạm Thị Bích Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 10 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2021/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Châu M, sinh năm: 1984; địa chỉ: Số 70/15 đường Ng, Phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Số 50/23/24/8 đường L, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú: Số 05 đường NO, Phường 10, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 31/8/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – bà Thái Châu M trình bày:

Bà cho cá nhân ông Nguyễn Minh H vay số tiền 55.000.000 đồng làm nhiều lần như sau:

- Ngày 13/02/2020, bà chuyển khoản cho ông H số tiền 5.000.000 đồng.

- Ngày 10/3/2020 bà chuyển khoản cho bà Hạnh số tiền 10.000.000 đồng và ông H xác nhận ông đã nhận số tiền này. Cùng ngày 10/3/2020, bà tiếp tục chuyển khoản cho ông H số tiền 40.000.000 đồng.

- Vào các ngày 09/3/2020, 12/3/2020 và 16/4/2020, bà có mua giúp cho ông H

đồ cúng và nguyên phụ liệu với số tiền 3.093.000 đồng.

Vào ngày 13/5/2020 ông H đã ký giấy xác nhận nợ với bà M với tổng số tiền là 58.093.000 đồng

Thời điểm ông H ký giấy nợ cho bà M tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Henry Kof (gọi tắt là Công ty) do ông H là giám đốc nên bà đã yêu cầu ông H đóng dấu mộc của Công ty vào giấy nợ để làm tin. Bà xác định bà cho cá nhân ông H vay, không có liên quan gì đến nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Henry Kof.

Tại biên bản hòa giải ngày 12/11/2021, bà xác nhận có nhận của ông H số tiền 10.000.000 đồng vào tháng 02/2021, tại phiên tòa bà xác định ông H trả số tiền này cho bà vào ngày 28/02/2021. Bà cho rằng ông H là giám đốc của Công ty nên ông H trả nợ cho bà cũng giống như là Công ty trả nợ cho bà. Vì vậy, bà cần trừ số tiền này vào số tiền mà Công ty còn nợ của bà theo quyết định của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà yêu cầu ông H trả cho bà nợ gốc là 58.093.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày xét xử (ngày 03/12/2021), theo mức lãi suất 10%/1 năm là: $58.093.000 \text{ đồng} \times 15,5 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm} = 7.515.500 \text{ đồng}$. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Minh H trình bày:

Ông xác nhận ông có nợ bà M số tiền 58.093.000 đồng. Ông đóng dấu của Công ty vào giấy nợ ngày 13/5/2020 để làm tin chứ không phải bà M cho Công ty vay số tiền này. Ông xác định đây là nợ của cá nhân ông với bà M. Do ông kinh doanh gặp khó khăn nên ông không thể trả nợ cho bà M như đã hứa. Bà M nhiều lần đòi nợ ông, xúc phạm ông làm ảnh hưởng đến công việc và danh dự của ông.

Vào tháng 02/2021, ông đã trả cho bà M số tiền 10.000.000 đồng. Ông yêu cầu bà M cần trừ vào số tiền 40.000.000 đồng (trong tổng cộng số tiền nợ là 58.093.000 đồng) mà ông đã mượn của bà M. Bà M đồng ý và đã nhận số tiền 10.000.000 đồng do cá nhân ông trả.

Tại phiên Tòa, ông H thừa nhận ông không nhớ ngày cụ thể đã trả số tiền 10.000.000 đồng cho bà M, ông không đồng ý cần trừ số tiền 10.000.000 đồng này vào số tiền Công ty còn nợ của bà theo Quyết định của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, bởi vì ông lấy tiền của cá nhân ông để trả cho khoản vay giữa ông và bà M chứ không phải ông trả nợ thay cho Công ty. Vì vậy, ông chỉ đồng ý trả cho bà M số tiền 48.093.000 đồng và tiền lãi 10%/năm tính từ ngày 13/8/2020 đến ngày xét xử (ngày 03/12/2021) là 15.5 tháng theo số tiền thực tế ông còn nợ của bà M. Ông đề nghị bà M tạo điều kiện cho ông trả hết nợ trong thời gian 06 tháng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và các đương sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác minh tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử là chưa đúng với quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc thực tế bị đơn nợ nguyên đơn và nợ lãi tương ứng theo mức lãi suất 10%/1 năm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 58.093.000 đồng theo giấy nợ ngày 13/5/2020. Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1 Về yêu cầu nợ gốc:

- Căn cứ vào giấy nợ ngày 13/5/2020 và lời xác nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định ông H có vay bà M số tiền tổng cộng là 58.093.000 đồng.

- Xét ông H đã trả trực tiếp cho bà M số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 28/02/2021 nhưng bà M vẫn yêu cầu ông H trả đủ số nợ là 58.093.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy: Ông H không đồng ý cân trừ số tiền này vào số nợ giữa Công ty và bà M, đồng thời bà M cũng không có chứng cứ chứng minh ông H đã trả nợ thay cho Công ty với tư cách là người đại diện hợp pháp của Công ty, không có xác nhận của Chấp hành viên về việc đã thi hành quyết định của Tòa án nhân dân Quận 12 nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định ông H đã trả cho bà M số tiền 10.000.000 đồng theo giấy nợ ngày 13/5/2020. Vì vậy, ông H có nghĩa vụ trả cho bà M tiền nợ gốc là 48.093.000 đồng.

2.2 Về yêu cầu nợ lãi:

Xét, bà M yêu cầu ông H trả nợ lãi từ ngày 13/8/2020 đến ngày xét xử (ngày 03/12/2021), theo mức lãi suất 10%/1 năm là: $58.093.000 \text{ đồng} \times 15,5 \text{ tháng} \times 10\%/1 \text{ năm} = 7.515.500 \text{ đồng}$, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Từ ngày 13/8/2020 đến ngày 12/02/2021 là 06 tháng: $(58.093.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 10\%/1 \text{ năm})/12 \text{ tháng} = 2.904.650 \text{ đồng}$;

- Từ ngày 13/02/2021 đến ngày 28/02/2021 là 15 ngày: $(58.093.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ ngày} \times 10\%/1 \text{ năm})/365 \text{ ngày} = 238.738 \text{ đồng}$;

- Từ 01/3/2021 đến ngày 30/11/2021 là 09 tháng: $(48.093.000 \text{ đồng} \times 09 \text{ tháng} \times 10\%/1 \text{ năm})/12 \text{ tháng} = 3.606.975 \text{ đồng}$;

- Từ 01/12 đến ngày 03/12 là 02 ngày: $(48.093.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ ngày} \times 10\%/1 \text{ năm})/365 \text{ ngày} = 26.352 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền lãi là 6.776.715 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền lãi là 6.776.715 đồng.

2.3 Về thời hạn trả nợ:

Xét, ông H đề nghị bà M tạo điều kiện cho ông trả hết nợ trong thời gian 06 tháng nhưng bà M không đồng ý. Ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, Hội đồng xét xử cần buộc ông H trả nợ cho bà M ngay khi bản án có hiệu lực.

Từ những nhận định nêu trên, căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền 48.093.000 đồng và tiền lãi 6.776.715 đồng, tổng cộng là 54.869.715 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn phải chịu án phí đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được Hội đồng xét xử chấp nhận là nợ gốc 10.000.000 đồng và nợ lãi là 738.785 đồng. Án phí là $10.738.785 \text{ đồng} \times 5\% = 536.939 \text{ đồng}$

- Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn là 54.869.715 đồng $\times 5\% = 2.743.486 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 463 Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và nợ lãi.

Buộc ông Nguyễn Minh H có nghĩa vụ trả cho bà Thái Châu M số tiền tổng cộng là 54.869.715 đồng (năm mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi chín nghìn bảy trăm mười lăm đồng) theo giấy nợ ngày 13/5/2020 (trong đó: nợ gốc là 48.093.000 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm chín ba ngàn đồng) và nợ lãi là 6.776.715 đồng (sáu triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm mười lăm đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông H chưa thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng ông H còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà M buộc ông H trả nợ gốc 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) và nợ lãi là 738.785 đồng (bảy trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng), tổng cộng là 10.738.785 đồng (mười triệu bảy trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm tám mươi lăm đồng).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Thái Châu M phải chịu án phí là 536.939 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp là 1.499.375 đồng theo biên lai thu số 0026945 ngày 16/9/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay bà M được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 962.436 đồng.

- Ông Nguyễn Minh H phải chịu án phí là 2.743.486 đồng.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Hoàng Thị Chinh